

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CH S  
TỈNH G L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST  
Ngày 25/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Thảo.

Ông Siu Tơ Lul.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2020/TLST – HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với các **bị cáo**:

**\*RAH LAN NH** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1994 tại huyện Kr P, tỉnh G L; Nơi cư trú: B Ph, xã Ia RS, huyện Kr P, tỉnh G L; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nay R (chết) và bà Rah Lan H'Y; Vợ: Rơ Ô H'L; Có: 01 con; Tiền án: 02; Tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu; Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/9/2020 và bị tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến nay. Có mặt.

**\*RAH LAN D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/7/2000 tại huyện Kr Pa, tỉnh G L; Nơi cư trú: B Ph, xã Ia RS, huyện Kr Pa, tỉnh G L; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Ksor J và bà Rah Lan H'M; Vợ: Rmah Ad (không đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/9/2020 và bị tạm giam từ ngày 11/9/2020 đến nay. Có mặt.

**\*Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Lưu Đình Q, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh G L. Có mặt.

**\*Người bị hại:**

-Anh Phan Thanh H, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

***\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

-Anh Lê Trung H, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 320 đường Nguyễn Viết X, phường H Ph, thành phố Pl K, tỉnh G L.

-Anh Rah Lan B, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn NuB, xã Ia RS, huyện Kr Pa, tỉnh G L.

-Anh Kpă Th, sinh năm 2004. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn Ph, xã Ia RS, huyện Kr Pa, tỉnh G L.

**\*Người đại diện hợp pháp cho Kpă Thiệu:** Ông Rcom Th (là bố ruột của Thiệu). Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn Ph, xã Ia RS, huyện Kr P, tỉnh G L.

**\* Người làm chứng:**

-Chị Ksor Ph, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn B, xã Ch B, thị xã A P, tỉnh G L.

-Chị Siu H'Th, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn Tốt B, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L

-Anh Rah Lan D, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn Tốt B, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

-Anh Kpă Linh Nh, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn T, xã Chư R, huyện Kr Pa, tỉnh G L.

-Anh Bùi Hữu Đ, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn T, xã Chư R, huyện Kr Pa, tỉnh G L.

-Anh Kpuih Hoàng L, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: làng Kueng Đ, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L

**\* Người phiên dịch tiếng Ja Rai:** Bà Nay H'C. Có mặt.

Nơi cư trú: thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ, ngày 31/8/2020, Rah Lan D điều khiển xe mô tô, biển số: 81N1 - 194.46, chở Rah Lan Nh đi chơi tại thị trấn Ch S, huyện Ch S tỉnh G L. Do không có tiền tiêu xài, Rah Lan Nh đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ Rah Lan D, D đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số: 81N1 - 194.46 chở Nh đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi đến thôn Tốt B, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L, phát hiện nhà anh Rah Lan D để một chiếc xe mô tô, biển số: 81P1 - 179.73, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter trong sân, không khóa cổ của anh Phan Thanh H và không có người trông coi (lúc này anh H đang ngồi chơi nói chuyện với anh Rah Lan D ở trong nhà). Rah Lan Nh đi vào trong sân, trộm cắp xe, còn Rah Lan D đứng ở ngoài cảnh giới. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, biển số: 81P1- 179.73 Nh dắt ra ngoài đường thì Rah Lan D điều khiển xe mô tô, biển số: 81N1 - 194.46 dùng chân đẩy xe mô tô, biển số: 81P1 - 179.73 do Rah Lan Nh cầm lái đi về phòng trọ tại tổ dân phố 6, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Tại đây, D đã tháo dây điện của ổ khóa xe mô tô, biển số: 81P1- 179.73 xong, rồi gọi Rah Lan B, Kpă Th đang ngủ dậy và rủ đi về huyện Kr Pa chơi. Khi

dậy B, Th thấy xe mô tô biển số : 81P1- 179.73, thì B hỏi D: “ Xe ở đâu”, D nói: “ Xe mượn của bạn”. Sau đó, Rah Lan D điều khiển xe mô tô, biển số: 81P1 - 179.73 chở Rah Lan Nh, còn Rah Lan B điều khiển xe mô tô, biển số: 81N1 - 194.46 chở Kpă Th. Trên đường đi về huyện Kr Pa khi dừng nghỉ tại đèo Ch S thì Rah Lan B và Kpă Th nghe D nói xe mô tô biển số: 81P1 - 179.73 đang đi là xe trộm cắp, nhưng không nói rõ việc D, Nh đã trộm cắp xe mô tô và trộm cắp của ai, ở đâu. Khi nghe D nói vậy B, Th nói “trộm cắp là việc của tụi mày, không liên quan đến bọn tao” và B tiếp tục chở Th đi về nhà chị Ksor Ph là vợ B ở thị xã A P, tỉnh G L ngủ. Lúc này Rah Lan D và Rah Lan Nh bàn với nhau mượn xe của B để khi bán được xe mô tô, biển số: 81P1-179.73 thì lấy xe của B đi về. Khi đi về đến nhà chị Ksor Ph thì D đi theo vào hỏi mượn xe mô tô, biển số: 81N1 - 194.46 của B và nói: “mượn xe ở lại thị xã A Pa có việc, Nh về huyện Kr Pa trước” thì B đồng ý cho D mượn và nói “nếu lỡ trộm cắp xe người ta thì trả lại, nếu không sẽ báo chính quyền”, D không nói gì và lấy xe mô tô biển số: 81N1 - 194.46 đi còn Nh điều khiển xe mô tô, biển số: 81P1- 179.73 cùng nhau đi ra quán nước ở đường quốc lộ 25, thuộc thị xã A Pa để ngủ. Tại đây Nh, D đã tháo bỏ lớp decan màu rằn ri trên xe mô tô, biển số: 81P1- 179.73 ra. Đến 10 giờ ngày 01/9/2020, D điều khiển xe mô tô, biển số: 81P1-179.73 còn Nh điều khiển xe mô tô, biển số: 81N1-194.46 đi xuống huyện Kr Pa để tìm nơi bán xe mô tô biển số: 81P1- 179.73. Trên đường đi thì rơi mất biển số xe: 81P1-179.73 ở đâu không rõ. Khi cả hai đi đến B Tu, xã Chư RC, huyện Kr Pa thì D đi vào tiệm sửa xe của anh Bùi Hữu Đ để hỏi bán xe, còn Rah Lan Nh điều khiển xe đi mua thuốc lá. Khi vào tiệm D hỏi anh Đ mua xe không, bán rẻ cho 15.000.000đ, do xe không có biển số và không có giấy tờ nên anh Đ không mua. Trong lúc đang nói chuyện thì D thấy có Công an nên đã điều khiển xe mô tô biển số: 81P1- 179.73 bỏ chạy về hướng Sông Ba và vứt xe mô tô biển số: 81P1-179.73 ở ven đường thuộc khu vực B Tu, xã Ch R, huyện Kr Pa, tỉnh G L và bắt xe đồ đi về lại quán nước ở thị xã A Pa thì gặp Rah Lan Nh, Rah Lan B và Kpă Th, tại đây Rah Lan D đã nói cho Nhơn biết việc bị Công an đuổi và bỏ xe lại không bán được. Sau đó, Nh, D bắt xe đồ đi lên lại Ch S, đến ngày 02/9/2020 đã ra Công an huyện Ch S đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 61 ngày 07/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ch S kết luận:

- 01 (một) xe mô tô, biển số: 81P1 - 179.73, nhãn hiệu Yamaha Exciter, **đã qua sử dụng, mua vào năm 2015** có giá trị là: 22.300.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng)(Bút lục số:47: Bản kết luận định giá tài sản).

Theo Bản cáo trạng số 58/CT – VKS ngày 17/11/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L đã truy tố:

Bị cáo Rah Lan Nh và Rah lan D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật, xử phạt các bị cáo như sau:

-*Đối với bị cáo Rah Lan Nh.*

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Rah Lan Nh từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

*-Đối với bị cáo Rah lan D .*

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo: Rah lan D từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

*Về phần dân sự:* Sau sự việc xảy ra, bị hại Phan Thanh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung H không yêu cầu các bị cáo Rah Lan Nh và Rah Lan D bồi thường gì về mặt dân sự. Nên không đề cập.

*Về vật chứng:* Không đề cập.

*Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

*Về phần án phí:* Buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**Ý kiến người bào chữa:** Người bào chữa đồng ý nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như về đề nghị áp dụng điều luật đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ, mục đích, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo không quá mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

**Ý kiến của những người tham gia tố tụng khác:**

*-Những người bị hại:* Lời khai của anh Phan Thanh H có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Anh Phan Thanh H đã nhận lại chiếc xe bị mất. Tuy anh phải bỏ tiền ra sửa chữa để trả lại cho anh Lê Trung H, nhưng anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về phần dân sự. Đồng thời anh đề nghị xử phạt các bị cáo đúng pháp luật.

*-Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Lời khai của anh Lê Trung H có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với lời khai của các bị cáo và người bị hại. Vào ngày 31/8/2020, anh cho anh Phan Thanh H mượn chiếc xe mô tô của anh biển số 81P1-179.73 thì bị các bị cáo trộm cắp. Anh đã nhận lại xe, anh Phan Thanh H đã hỗ trợ sửa chữa, anh không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Lời khai của anh Rah Lan B, anh Kpă Th và ông Rcom Th có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với lời khai của các bị cáo và người bị hại. Vào ngày 31/8/2020, anh cho Rah Lan D mượn xe mô tô biển số 81N1-194.46 của anh B để đi chơi. Anh B và Th không hề biết Nh và D dùng xe của anh B để đi trộm cắp tài sản của người khác. Khi thấy, Nh và D mang xe về thì B và Th có hỏi xe ở đâu. D và Nh nói là xe mượn. Sau đó, D nói cho B và Th biết về việc trộm cắp xe mô tô biển số 81P1-179.73. B và Th nói: “ Chúng tôi không liên quan, nếu đúng xe trộm cắp thì mang trả người ta, nếu không chúng tôi sẽ báo chính quyền, sau đó B và Th không đi với Nh và D nữa”. B đã nhận được chiếc xe mô tô mà anh cho D mượn. Anh B và anh Th không bị thiệt hại gì, nên không yêu cầu gì về phần dân sự.

*-Những người làm chứng:*

-Chị Ksor Ph, Siu H'Th, Rah Lan D, Kpă Linh Nh, Kpuih Hoàng L và anh Bui Hữu Đ có lời khai trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với lời khai của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi S, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 31/8/2020, lợi dụng sự sơ hở của anh Phan Thanh H trong việc quản lý tài sản, bị cáo Rah Lan Nh đã rủ bị cáo Rah Lan D lén lút chiếm đoạt 01( một) xe mô tô BKS 81P1- 179.73, nhãn hiệu Yamaha, loại Exicter tại thôn Tốt Byóch, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L, trị giá là 22.300.000đ, nhằm mục đích vụ lợi cá nhân.

Vì vậy, các bị cáo Rah Lan Nh và Rah Lan D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S truy tố.

[3]Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Làm cho quần chúng nhân dân hết sức bất bình. Chúng phạm tội không phải do hoàn cảnh mà do bản tính tham lam, lười biếng lao động, nhưng lại muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng, nên chiếm đoạt tài sản của người khác, nhằm thu lợi bất chính.

[4]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Rah Lan Nh có nhân thân xấu năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện K Pa, tỉnh G L xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích. Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện K Pa, tỉnh G L xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích. Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện K Pa, tỉnh G L xử phạt 07 tháng tù về tội” Trộm cắp tài sản” cũng đã chấp hành xong hình phạt tù. Mặc dù bị cáo có 02 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” nhưng do tài sản bị chiếm đoạt năm 2018 không đủ cấu thành tội phạm, nhưng bản thân bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên khi bị kết án năm 2018, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại

điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngày 31/8/2020 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Rah Lan D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Rah Lan D chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội, đều đã ra đầu thú.

Vì vậy, cần xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo Rah Lan D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Rah Lan Nh được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân, bị cáo Rah Lan Nh là người có nhân thân xấu như đã phân tích ở trên. Đối với bị cáo Rah Lan D thì có nhân thân tốt.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, ý kiến đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo phần lớn là có căn cứ cần xem xét, chấp nhận. Ngoài ra, người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ, mục đích, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Mức án mà người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là quá nhẹ không đúng tính chất, mức độ, hậu quả mà các bị cáo gây ra, nên không được chấp nhận là có cơ sở.

[8] Vì vậy, Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Rah Lan Nh xử phạt bị cáo Rah Lan Nh mức tù giam nghiêm khắc, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người dân lương thiện, có ích cho xã hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Rah Lan D xử phạt bị cáo Rah Lan D mức tù giam nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành người dân lương thiện, có ích cho xã hội.

Đây là vụ án có nhiều người cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng không phải là phạm tội có tổ chức vì chưa có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vai trò của từng bị cáo thì thấy rằng:

Rah Lan Nh giữ vai trò là người khởi sự, rủ rê Rah Lan D, còn Rah Lan D giữ vai trò là người thực hành. Như vậy hành vi “ Trộm cắp tài sản” của Rah Lan Nh nguy hiểm hơn hành vi của Rah Lan D. Mặt khác, bị cáo Rah Lan Nh có nhân thân xấu hơn nhân thân của bị cáo Rah Lan D và lần phạm tội này Rah Lan



Nh thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Rah Lan Nh mức án nghiêm khắc hơn bị cáo Rah Lan D là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống phụ thuộc gia đình, chưa có tài sản riêng, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp (Theo tinh thần Văn bản số 213/TANDTC-KHXX ngày 13/11/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

[10] Về vật chứng, Hội đồng xét xử xét thấy:

-Đối với 01 (một) xe mô tô, biển số: 81P1 - 179.73. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Lê Trung H (SN: 1993, trú tại số 320, đường Nguyễn Viết X, P. H Ph, Tp. PK, tỉnh G L). Xe có giấy tờ hợp lệ theo quy định. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Trung H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

-Đối với 01 (một) xe mô tô, biển số: 81N1 - 194.46 mà Rah Lan Nh cùng đồng bọn sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của Rah Lan B (SN: 2000, trú tại Buôn N, xã Ia RS, huyện Kr Pa, tỉnh G L. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là Rah Lan B (BL số 56-57: Biên bản trả lại tài sản) là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Sau sự việc xảy ra, bị hại Phan Thanh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trung H không yêu cầu các bị cáo Rah Lan Nh và Rah Lan D bồi thường gì về mặt dân sự, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung Công quỹ Nhà nước.

[13] Đối với những người có liên quan:

Đối với Rah Lan B không biết việc Nh, Dumượn xe và sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản và sau khi trộm cắp tài sản thì Rah Lan D có nói cho Rah Lan B, Kpă Th biết xe trộm cắp nhưng không nói đã trộm cắp ở đâu, của ai, khi nào cũng như khi Rah Lan D, Rah Lan Nh mang xe đi bán thì Rah Lan B, Kpă Th cũng không biết, không tham gia và bị cáo Nh phạm tội không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, hành vi của Rah Lan B, Kpă Th không cấu thành tội: Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự và tội: Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[14] Về kiến nghị: Không.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Rah Lan Nh và Rah Lan D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Rah Lan Nh.

Xử phạt bị cáo: Rah Lan Nh 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/9/2020).

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Rah Lan D.

Xử phạt bị cáo: Rah Lan D 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/9/2020).

**2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:** Hội đồng xét xử miễn xét.

**3. Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo (Rah Lan Nh, Rah Lan D) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

-Bị cáo;

-Bị hại;

-NCQLNVLQ;

-TAND tỉnh G L;

-VKSND huyện Ch S;

-Sở Tư pháp tỉnh G L;

-CA huyện Ch S;

-THAHS;

-CC.THADS huyện Ch S;

-Lưu hồ sơ; -Lưu án văn.

**Nguyễn Đình Hiếu**



